

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 163 /QB-UBND

Đồng Nai, ngày 15 tháng 01 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc quy định số lượng định suất, mức hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức và những người làm việc tại Trung tâm Hành chính công, Bộ phận Một cửa cấp huyện, xã năm 2019

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 121/2018/NQ-HĐND ngày 06/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai khóa IX, kỳ họp thứ 6 về hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức làm việc tại Trung tâm Hành chính công tỉnh, Bộ phận Một cửa cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 4486/TTr-SNV ngày /12/2018;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định số lượng định suất, mức hỗ trợ cho cán bộ, công chức, viên chức và những người làm việc tại Trung tâm (Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Trách nhiệm thực hiện:

1. Chánh Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm kiểm tra, theo dõi việc thực hiện Quyết định này; chủ trì hướng dẫn các đơn vị, địa phương quy trình thực hiện hỗ trợ định suất, định mức hỗ trợ của Trung tâm Hành chính công tỉnh, Bộ phận Một cửa các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa; chủ trì thẩm định, tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh điều chỉnh định suất, định mức hỗ trợ (trường hợp có thay đổi) cho các các đơn vị, địa phương.

2. Chủ tịch UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa và Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn có trách nhiệm chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc thực hiện, đảm bảo đúng theo các quy định tại Quyết định này; tham mưu ban hành Quyết định nhân sự Bộ phận Một cửa của các đơn vị; thực hiện rà soát, đánh giá và chịu trách nhiệm về kết quả giải quyết thủ tục hành chính hàng



năm, số lượng người làm việc của Bộ phận Một cửa đơn vị và các đơn vị trực thuộc để làm cơ sở xác định mức hỗ trợ tương ứng cho các năm tiếp theo.

3. Giám đốc Sở Tài chính có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc sử dụng kinh phí thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2019 và thay thế cho Quyết định số 2625/QĐ-UBND ngày 31/7/2018.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các Sở, ban ngành, các cơ quan ngành dọc thuộc tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa và Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các đơn vị, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- TT. Tỉnh ủy; TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh VP.UBND tỉnh, Phó CVP. UBND tỉnh;
- Lưu: VT, HCC, KSTT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Văn Vĩnh

DANH SÁCH

Số lượng định suất, mức hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức và người làm việc tại Trung tâm Hành chính công, Bộ phận Một cửa cấp huyện, xã năm 2019

Kèm theo Quyết định số: 163/QĐ-UBND ngày 15 tháng 01 năm 2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai



I. Đối với Trung tâm Hành chính công tỉnh

- Số lượng định suất: 36 người
- Mức hỗ trợ: 80.000 đồng/người/ngày

II. Đối với Bộ phận Một cửa cấp huyện, xã

STT	Đơn vị cấp huyện	Tên địa phương	Số lượng định suất	Mức hỗ trợ
1	Huyện Cẩm Mỹ	Một cửa huyện Cẩm Mỹ	11	Mức 3
2	Huyện Cẩm Mỹ	Xã Bảo Bình	5	Mức 3
3	Huyện Cẩm Mỹ	Xã Lâm San	5	Mức 3
4	Huyện Cẩm Mỹ	Xã Long Giao	6	Mức 3
5	Huyện Cẩm Mỹ	Xã Nhân Nghĩa	4	Mức 3
6	Huyện Cẩm Mỹ	Xã Sông Nhạn	7	Mức 3
7	Huyện Cẩm Mỹ	Xã Sông Ray	7	Mức 3
8	Huyện Cẩm Mỹ	Xã Thừa Đức	5	Mức 3
9	Huyện Cẩm Mỹ	Xã Xuân Bảo	4	Mức 3
10	Huyện Cẩm Mỹ	Xã Xuân Đông	6	Mức 3
11	Huyện Cẩm Mỹ	Xã Xuân Đường	3	Mức 3
12	Huyện Cẩm Mỹ	Xã Xuân Mỹ	5	Mức 3
13	Huyện Cẩm Mỹ	Xã Xuân Quế	5	Mức 3
14	Huyện Cẩm Mỹ	Xã Xuân Tây	6	Mức 3
15	Huyện Định Quán	Một cửa huyện Định Quán	16	Mức 3
16	Huyện Định Quán	Thị trấn Định Quán	7	Mức 1
17	Huyện Định Quán	Xã Gia Canh	6	Mức 3
18	Huyện Định Quán	Xã La Ngà	7	Mức 1
19	Huyện Định Quán	Xã Ngọc Định	5	Mức 3
20	Huyện Định Quán	Xã Phú Cường	6	Mức 3
21	Huyện Định Quán	Xã Phú Hòa	6	Mức 3
22	Huyện Định Quán	Xã Phú Lợi	6	Mức 3
23	Huyện Định Quán	Xã Phú Ngọc	6	Mức 2
24	Huyện Định Quán	Xã Phú Tân	5	Mức 3

25	Huyện Định Quán	Xã Phú Túc	6	Mức 3'
26	Huyện Định Quán	Xã Phú Vinh	5	Mức 3
27	Huyện Định Quán	Xã Suối Nho	5	Mức 3
28	Huyện Định Quán	Xã Thanh Sơn	6	Mức 2
29	Huyện Định Quán	Xã Túc Trung	6	Mức 3
30	Huyện Long Thành	Một cửa huyện Long Thành	24	Mức 1
31	Huyện Long Thành	Thị trấn Long Thành	8	Mức 2
32	Huyện Long Thành	Xã An Phước	5	Mức 3
33	Huyện Long Thành	Xã Bàu Cạn	6	Mức 3
34	Huyện Long Thành	Xã Bình An	5	Mức 3
35	Huyện Long Thành	Xã Bình Sơn	7	Mức 3
36	Huyện Long Thành	Xã Cẩm Đường	6	Mức 3
37	Huyện Long Thành	Xã Lộc An	5	Mức 3
38	Huyện Long Thành	Xã Long An	7	Mức 3
39	Huyện Long Thành	Xã Long Đức	5	Mức 3
40	Huyện Long Thành	Xã Long Phước	6	Mức 3
41	Huyện Long Thành	Xã Phước Bình	6	Mức 3
42	Huyện Long Thành	Xã Phước Thái	7	Mức 3
43	Huyện Long Thành	Xã Suối Trầu	3	Mức 3
44	Huyện Long Thành	Xã Tam An	3	Mức 3
45	Huyện Long Thành	Xã Tân Hiệp	5	Mức 3
46	Huyện Nhơn Trạch	Một cửa huyện Nhơn Trạch	19	Mức 2
47	Huyện Nhơn Trạch	Xã Đại Phước	5	Mức 3
48	Huyện Nhơn Trạch	Xã Hiệp Phước	6	Mức 1
49	Huyện Nhơn Trạch	Xã Long Tân	5	Mức 3
50	Huyện Nhơn Trạch	Xã Long Thọ	6	Mức 3
51	Huyện Nhơn Trạch	Xã Phú Đông	5	Mức 3
52	Huyện Nhơn Trạch	Xã Phú Hội	5	Mức 2
53	Huyện Nhơn Trạch	Xã Phú Hữu	6	Mức 2
54	Huyện Nhơn Trạch	Xã Phú Thạnh	6	Mức 3
55	Huyện Nhơn Trạch	Xã Phước An	6	Mức 3
56	Huyện Nhơn Trạch	Xã Phước Khánh	7	Mức 3
57	Huyện Nhơn Trạch	Xã Phước Thiện	6	Mức 3
58	Huyện Nhơn Trạch	Xã Vĩnh Thanh	5	Mức 1
59	Huyện Tân Phú	Một cửa huyện Tân Phú	15	Mức 3
60	Huyện Tân Phú	Thị trấn Tân Phú	7	Mức 2
61	Huyện Tân Phú	Xã Đắc Lúa	3	Mức 3
62	Huyện Tân Phú	Xã Nam Cát Tiên	5	Mức 3
63	Huyện Tân Phú	Xã Núi Tượng	3	Mức 3
64	Huyện Tân Phú	Xã Phú An	5	Mức 3